

Bản án số: 18/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 10/01/2025

V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Thu Thúy.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Ngô Thị Thơm; Bà Mai Thị Thảo.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Phùng Thị Mai – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:
Bà Bùi Thị Hậu - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 476/2024/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 562/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 04 tháng 12 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 388/2024/QĐST-HNGĐ ngày 24/12/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị M, sinh năm 1990; Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn B, xã T, huyện G, tỉnh Hải Dương; Nơi ở hiện nay: Đài Loan

Người được nguyên đơn ủy quyền giao nhận văn bản: Chị Trịnh Thanh H và anh Nguyễn Ngọc T; Địa chỉ: Số H đường N, phường C, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn M1, sinh năm 1984; Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn B, xã T, huyện G, tỉnh Hải Dương. Nơi ở hiện nay: Hàn Quốc

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1957 và bà Phạm Thị T1, sinh năm 1964; Địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện G, tỉnh Hải Dương.

Các đương sự đều vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, đơn xin vắng mặt nguyên đơn chị Đỗ Thị M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh M1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, đăng ký kết hôn ngày 30/01/2009 tại UBND xã T, huyện G, tỉnh Hải Dương. Sau khi kết hôn anh chị chung sống với nhau tại thôn B, xã T, huyện G, tỉnh Hải Dương. Thời gian đầu mới kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng sau đó nảy sinh nhiều mâu thuẫn Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong việc nuôi dạy con cái, phát triển kinh tế gia đình. Anh M1 thường xuyên đánh đập, chửi mắng chị. Do kinh tế khó khăn nên tháng 6/2014, anh M1 sang Đài Loan lao động. Đến ngày 12/11/2017 chị cũng sang Đài Loan lao động. Từ khi anh M1 sang Đài Loan mâu thuẫn vợ chồng càng trở nên nghiêm trọng, vợ chồng sống xa nhau không còn quan tâm đến nhau nữa. Đầu năm 2024 anh M1 chuyển sang Hàn Quốc lao động. Nay chị xác định vợ chồng không còn tình cảm, mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh M1.

Về con chung: Chị và anh M1 có 02 con chung là Nguyễn Văn Đ, sinh ngày 18/12/2009 và Nguyễn Thị Thanh N, sinh ngày 23/03/2014, hiện nay các cháu đang ở với ông bà nội là ông Nguyễn Văn D và bà Phạm Thị T1. Chị đề nghị giao con chung cho anh M1 nuôi dưỡng và tạm giao các cháu cho ông bà nội chăm sóc cho đến khi anh M1 về Việt Nam. Chị sẽ cấp dưỡng nuôi con mỗi con = 2.000.000đ/tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do chị đang ở nước ngoài nên ủy quyền cho chị Trịnh Thanh H, anh Nguyễn Ngọc T giao nhận các văn bản tại Tòa án và đề nghị Tòa án cho chị được vắng mặt toàn bộ quá trình tố tụng và vắng mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn D và bà Phạm Thị T1 trình bày: Ông bà là bố mẹ đẻ của anh Nguyễn Văn M1, hiện nay anh M1 đang ở Hàn Quốc. Anh M1 vẫn thường xuyên gọi điện về cho ông bà nhưng không nói cho ông bà biết địa chỉ của anh M1 ở đó. Vợ chồng anh M1 chị M sau khi kết hôn thì chung sống cùng với ông bà. Thời gian đầu vợ chồng không có mâu thuẫn gì. Đến năm 2014 vợ chồng anh M1, chị M sang Đài Loan lao động. Từ khi sang Đài Loan vợ chồng mới xảy ra mâu thuẫn, cụ thể mâu thuẫn như thế nào ông bà không rõ mà chỉ nghe vợ chồng anh M1 gọi điện nói với ông bà là vợ chồng anh M1 không còn tình cảm với nhau. Đầu năm 2024 anh M1 sang Hàn Quốc lao động, chị M vẫn ở Đài Loan. Chị M gọi điện về cho ông bà nói chị M

sẽ làm đơn ly hôn với anh M1. Ông bà đã động viên khuyên bảo nhưng chị M không nghe. Về con chung: Chị M, anh M1 có 2 con chung là Nguyễn Văn Đ, sinh ngày 18/12/2009 và Nguyễn Thị Thanh N, sinh ngày 23/03/2014 từ khi các cháu còn bé cho đến nay vẫn ở cùng với ông bà. Do vợ chồng anh M1, chị M đang ở nước ngoài nên ông bà vẫn hỗ trợ chăm sóc các cháu cho đến khi anh chị về nước. Ông bà đã thông báo cho anh M1 biết việc chị M xin ly hôn, anh M1 đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định, anh M1 không về để giải quyết được.

Cháu Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Thị Thanh N trình bày: Nếu bố mẹ cháu ly hôn cháu xin được ở với bố và tiếp tục ở với ông bà nội.

Theo xác minh tại Cục Q: Anh Nguyễn Văn M1 nhiều lần xuất nhập cảnh, xuất cảnh lần gần nhất ngày 20/02/2024, hiện chưa có thông tin nhập cảnh.

Tại phiên toà sơ thẩm:

Các đương sự đều vắng mặt, tại đơn xin vắng mặt chị M giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương trình bày việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký trong quá trình thu thập chứng cứ, người tiến hành tố tụng tại phiên toà chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, người tham gia tố tụng: Đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn được triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vẫn vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt họ là đúng pháp luật. Về đường lối giải quyết: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Xử cho chị Đỗ Thị M ly hôn anh Nguyễn Văn M1; Về con chung: Giao 2 con chung là Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Thị Thanh N cho anh M1 trực tiếp nuôi, chị M phải cấp dưỡng nuôi con chung, mỗi con là 2.500.000đ/tháng x 2 con = 5.000.000đ/tháng; Về án phí: Chị M phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn và án phí cấp dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử (viết tắt là HĐXX) nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Văn M1, nguyên đơn chị Đỗ Thị M có nơi cư trú trước khi xuất cảnh tại thôn B, xã T, huyện G, tỉnh Hải Dương hiện đang làm việc, sinh sống tại Hàn Quốc và Đài Loan. Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương. Mặc dù chị M không có mặt ở Việt Nam nhưng chị đã gửi đơn xin ly hôn và ủy quyền cho chị Trịnh Thanh H, anh Nguyễn Ngọc T nộp đơn đến Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương. Tài liệu chị M gửi về Việt Nam gồm: Đơn khởi kiện ly hôn, bản tự khai, giấy ủy quyền đều được xác nhận của Văn phòng K tại Đ. Do vậy, có đủ cơ sở xác định nội dung các văn bản chị M nộp tại Tòa án là đúng ý chí, nguyện vọng của chị.

Nguyên đơn chị M có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Bị đơn anh M1, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông D, bà T1 đã được tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị M, anh Nguyễn Văn M1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn 30/01/2009 tại UBND xã T, huyện G, tỉnh Hải Dương là hôn nhân hợp pháp. Chị M xác định mâu thuẫn của chị và anh M1 đã trầm trọng, vợ chồng không còn tình cảm với nhau nữa nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh M1. Anh Minh đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa án làm việc, không thể hiện quan điểm về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ông D, bà T1 là bố đẻ của anh M1 xác định quá trình vợ chồng chị M, anh M1 chung sống đã xảy ra mâu thuẫn từ khi anh chị sang lao động ở nước ngoài. Như vậy có đủ cơ sở xác định quá trình chị M, anh M1 chung sống vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn, anh chị đều đi lao động ở nước ngoài vợ chồng không ở cùng nhau, không còn quan tâm đến nhau nữa. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị M, anh M1 đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, căn cứ quy định tại Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị M xử cho anh M được ly hôn với anh M1.

[2.2] Về quan hệ con chung: Chị M, anh M1 có 2 con chung là Nguyễn Văn Đ, sinh ngày 18/12/2009 và Nguyễn Thị Thanh N, sinh ngày 23/03/2014. Chị M đề nghị giao hai con cho anh M1 nuôi dưỡng chị sẽ cấp dưỡng theo quy định. Xét thấy cháu Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Thị Thanh N đều đã trên 7 tuổi, các

cháu có nguyện vọng xin được ở với bố. Từ khi các cháu còn nhỏ đã ở với ông bà nội là ông Nguyễn Văn D, bà Phạm Thị T1. Sau khi chị M, anh M1 đi lao động ở nước ngoài thì ông bà là trực tiếp chăm sóc các cháu, điều kiện về chỗ ở, học tập đều đảm bảo. Do đó HĐXX, giao cả 2 con chung cho anh M1 trực tiếp nuôi dưỡng. Chị M phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh M1 mỗi con là 2.500.000đ/tháng, kể từ tháng 01/2025 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Tạm giao con chung Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Thị Thanh N cho ông Nguyễn Văn D, bà Phạm Thị T1 nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi anh Nguyễn Văn M1 về Việt Nam.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không không yêu cầu do đó HĐXX không xem xét.

[3] Về án phí: Chị M là nguyên đơn và phải cấp dưỡng nuôi con nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn và án phí cấp dưỡng theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1, 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ Thị M, xử cho chị Đỗ Thị M ly hôn anh Nguyễn Văn M1.

2. Về con chung: Giao 02 con chung là Nguyễn Văn Đ, sinh ngày 18/12/2009 và Nguyễn Thị Thanh N, sinh ngày 23/03/2014 cho anh Nguyễn Văn M1 trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Chị Đỗ Thị M cấp dưỡng nuôi con chung, mỗi con là 2.500.000đ/tháng x 2 con = 5.000.000đ/tháng, kể từ tháng 01/2025 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Chị M được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được ngăn cản.

Tạm giao con chung Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Thị Thanh N cho ông Nguyễn

Văn D, bà Phạm Thị T1 nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi anh Nguyễn Văn M1 về Việt Nam.

Kể từ khi anh M1 có đơn yêu cầu thi hành án về khoản tiền cấp dưỡng nuôi con mà chị M không thi hành khoản tiền trên thì phải chịu lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất chậm trả do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự. Nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Án phí: Chị Đỗ Thị M phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đ án phí cấp dưỡng, tổng bằng 600.000đ, được trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai ký hiệu BLTU/23 số 0005156 ngày 02 tháng 10 năm 2024 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương (do anh Nguyễn Ngọc T nộp thay), còn phải nộp 300.000đ.

Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Dương sự;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã T, G, Hải Dương;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà
(Đã ký)

Đoàn Thị Thu Thúy